TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày 21 – 01 – 2019

"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Ngọc Thảo
Ông Nguyễn Lập Tiến

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Quyên – Thư ký Toà án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Trần Tố Lâm – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 21/01/2019, tại Toà án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 839/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 07/01/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thu H – Sinh năm 1994
Nơi ĐKHKTT: Thôn A, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk
Địa chỉ hiện nay: Khối B, phường T, thành phố B, Đắk Lắk – Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần H1 – Sinh năm 1994
Nơi ĐKHKTT: Thôn A, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk
Địa chỉ hiện nay: Trại giam C, đội G, phân trại F, xã D, huyện D1, tỉnh Khánh Hòa. (Có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 19/12/2018)

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Trong bản tự khai và tại phiên tòa, chị Lê Thị Thu H trình bày:

Chị Lê Thị Thu H và anh Trần H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2013 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Về con chung: Có 01 con chung là Trần Lê Thiên K – Sinh ngày 04/4/2014. Hiện nay cháu K đang ở với chị H và chị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu K cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Không yêu cầu anh Trần H1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về mâu thuẫn vợ, chồng: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống. Năm 2016 vợ chồng bắt đầu sống ly thân. Tháng 9/2017 anh Trần H1 bị bắt và bị kết án 4 năm 3 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và phải đi chấp hành án tại trại giam C, đội G, phân trại F, xã D, huyện D1, tỉnh Khánh Hòa đến nay. Xét thấy không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với anh Trần H1 chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần H1.

2. *Trong biên bản lấy lời khai của bị đơn anh Trần H1 trình bày:*

Anh Trần H1 và chị Lê Thị Thu H kết hôn tự nguyện chung và có đăng ký kết hôn tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk từ năm 2013. Quá trình chung sống đến khoảng năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị H có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác, tính tình vợ chồng không hòa hợp nên thường xảy ra cãi vã. Cuối năm 2016 chị H bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng sống ly thân từ đó, mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình. Vào tháng 9/2017 anh H1 bị Tòa án nhân dân thành phố N, Khánh Hòa kết án về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và hiện đang phải chấp hành án tại Trại giam C. Anh H1 xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với chị H nên đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Thu H.

Về con chung: Có 01 con chung là Trần Lê Thiên K – sinh ngày 04/4/2014, anh H1 đồng ý để chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K. Anh H1 không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H1 và chị H không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay anh H1 đang chấp hành án tại trại giam C nên anh H1 không thể đến Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột để tham gia tố tụng. Vì vậy anh H1 đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt anh H1.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương: Về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lê Thị Thu H và anh Trần H1 địa phương không nắm rõ được nguyên nhân mâu thuẫn. Nay chị H có làm đơn xin ly hôn anh H1 thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Có 01 con chung là Trần Lê Thiên K – sinh ngày 04/4/2014, hiện nay cháu K đang ở cùng với chị Lê Thị Thu H. Về tài sản chung và nợ chung: Địa phương không biết rõ nên không có thông tin để cung cấp cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, phía nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thị Thu H, cho chị H được ly hôn anh Trần H1.

Về con chung: Giao cháu Trần Lê Thiên K – sinh ngày 04/4/2014 cho chị Lê Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Trần H1 không

cấp dưỡng nuôi con. Anh Trần H1 được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Trần H1 vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh Trần H1.

[2]. Về nội dung:

Chị Lê Thị Thu H và anh Trần H1 kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 16/12/2013 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Hiện nay, anh Trần H1 và chị Lê Thị Thu H đều xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, cả hai không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ với nhau và thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng chị Lê Thị Thu H và anh Trần H1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Thu H cho chị H được ly hôn anh Trần H1.

Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy cháu Trần Lê Thiên K còn nhỏ, hiện đang ở với chị H, chị H có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu anh Trần H1 phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Trần H1 cũng đồng ý giao cháu K cho chị H nuôi dưỡng và không cấp dưỡng. Do đó, giao Trần Lê Thiên K - sinh ngày 04/4/2014 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi trưởng thành. Anh Trần H1 không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần H1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên

lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0008137 ngày 24/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn anh Trần H1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu H, cho Lê Thị Thu H được ly hôn với anh Trần H1.

- *Về con chung:* Giao con chung Trần Lê Thiên K - Sinh ngày 04/4/2014 cho chị Lê Thị Thu H được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần H1 không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần H1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- *Về án phí:* Nguyên đơn chị Lê Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Lê Thị Thu H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0008137 ngày 24/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn anh Trần H1 không phải chịu án phí.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- UBND P. T, Tp. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Thu Trang